

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày 09-5-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;
2. Ông Nguyễn Hoàng Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/TLST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thị V (tên gọi khác là: N), sinh ngày 10/10/1987 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Trần D, sinh năm 1966 và bà Nguyễn E, sinh năm 1968; chồng: Trương D, sinh năm 1979 (đã ly hôn); con: có 02 người con (người con lớn sinh năm 2009, người con nhỏ sinh năm 2014); tiền sự: Chưa có; tiền án: Ngày 24/01/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 28/8/2022); nhân thân: Ngày 18/4/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; tạm giữ: Không; tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Cao Thị M, sinh ngày 01/01/1986 (đơn xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm K, phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Trương D, sinh ngày 01/01/1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Cao Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt);
2. Hồ V T1, sinh ngày 01/01/1978 (vắng mặt);
3. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1993 (vắng mặt);
4. Nguyễn Cao T3, sinh ngày 07/7/2010 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Cao T3 là Cao Thị M, sinh ngày 01/01/1986.

Cùng nơi cư trú: Khóm K, phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ, ngày 15/02/2023, Trần Thị V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66K6 - 5885 từ nhà đến Bệnh viện Đa khoa khu vực C để lấy thuốc uống. Sau đó V điều khiển xe mô tô chạy vòng quanh thành phố C mục đích để tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi đến khóm K, phường S thành phố C, V phát hiện 02 (hai) điện thoại di động của chị Cao Thị M để trong quán nước của chị Cao Thị Tnên dừng xe lại, đi vào quán hỏi mua nước uống và cá khô nhằm quan sát, tìm sơ hở lấy trộm nhưng không thực hiện được nên V bỏ đi.

Khoảng 10 phút sau, V tiếp tục quay lại quán nước của chị Cao Thị T mua 20 (hai mươi) ly nước và 06 (sáu) con cá khô với giá 290.000 đồng. Khi mọi người trong quán nước phụ tiếp làm nước và nướng khô thì V lén lút lấy trộm 02 (hai) điện thoại di động hiệu SAMSUNG của chị Cao Thị M.

Sau khi lấy trộm 02 (hai) điện thoại, V kiểm tra thấy phía sau ốp lưng điện thoại có 200.000 đồng, V lấy để vào túi quần, ném bỏ ốp lưng rồi điều khiển xe về nhà. Sáng hôm sau V mang 02 (hai) điện thoại lấy trộm đi bán thì bị Cơ quan Công an phát hiện mời làm việc và Trần Thị V đã thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện.

Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ROMATIC, màu xanh, biển kiểm soát 66K6-5885, số khung 0012P-207215, số máy FMH-202515; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, đã qua

sử dụng; 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác dài tay, màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) khẩu trang vải, màu đỏ tím, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam: 200.000 đồng, số seri OS19692199.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐG ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố C. Kết luận: Giá trị 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh đen, đã qua sử dụng là 3.500.000 đồng; giá trị 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, đã qua sử dụng là 6.000.000 đồng; giá trị 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng là 50.000 đồng.

Riêng đối với 01 (một) ốp lưng điện thoại màu trắng, đã qua sử dụng, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C không thu hồi được tài sản và bị hại cũng không cung cấp được hình ảnh hoặc giấy tờ có liên quan đến tài sản nên Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá, đồng thời bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản trên.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Cao Thị M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu.

Trong quá trình điều tra, Trần Thị V thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKSTPHN ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Trần Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị V về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị V từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định

nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát số 66K6-5885, nhãn hiệu ROMATIC màu xanh, Trần Thị V điều khiển thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, xác định xe mô tô này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trương D. Anh Út không biết V lấy xe đi trộm cắp tài sản, do đó không xem xét xử lý Út với vai trò đồng phạm với Trần Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Cao Thị M các tài sản bị chiếm đoạt, gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng, tiền Việt Nam là 200.000đồng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra phù hợp với đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát số 66K6-5885, nhãn hiệu ROMATIC màu xanh, Trần Thị V điều khiển thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, xác định xe mô tô này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trương D có trước thời kỳ hôn nhân và không nhập vào tài sản chung của anh với bị cáo Trần Thị V và anh Út cũng không biết V lấy xe đi trộm cắp tài sản, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả lại cho anh Út là phù hợp pháp luật.

Đối với đồ vật gồm: 01 (một) áo khoác dài tay, màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) khẩu trang vải, màu đỏ tím, đã qua sử dụng. Xét thấy, các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và thuộc tài sản của bị cáo Trần Thị V, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo V là phù hợp pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại Cao Thị M đã nhận lại tại sản bị trộm, gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng, tiền Việt Nam là 200.000đồng. Riêng đối với 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu trắng, đã qua sử dụng, do Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được tài sản và bị hại cũng không cung cấp được hình ảnh hoặc giấy tờ có liên quan đến tài sản

nên Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá. Đồng thời bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản trên nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, vừa chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Nhưng do lười biếng lao động, lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản của người khác để trộm, cụ thể: Khoảng 09 giờ, ngày 15/02/2023, tại quán nước của chị Cao Thị Tthuộc khóm K, phường S, thành phố C, V đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 02 (hai) điện thoại di động hiệu SAMSUNG và số tiền 200.000đồng của chị Cao Thị M nhằm mục đích đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị Công an phát hiện mời làm việc, V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐĐG ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C. Kết luận: Giá trị 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh đen, đã qua sử dụng là 3.500.000 đồng; giá trị 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, đã qua sử dụng là 6.000.000 đồng; giá trị 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng là 50.000 đồng.

Riêng đối với 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu trắng, đã qua sử dụng, do Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được tài sản và bị hại cũng không cung cấp được hình ảnh hoặc giấy tờ có liên quan đến tài sản nên Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá. Đồng thời bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản trên. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử không tính giá trị tài sản này để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 9.750.000đồng.

Căn cứ lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị V đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho người dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm trong lao động sản xuất. Hiện nay, tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố C nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với cách thức thực hiện hành vi khác nhau. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, do không chịu chí thú làm ăn nhưng lại muốn nhanh có tiền tiêu xài nên lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm tài sản của người khác. Điều này chứng tỏ bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện sự bất chấp xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện và 02 tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (bị cáo thuộc diện gia đình có công cách mạng, có ông Nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đang có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn mức hình phạt đã xét xử bị cáo trước đây, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Đối với Đối với xe mô tô biển kiểm soát số 66K6-5885, nhãn hiệu ROMATIC màu xanh, Trần Thị V điều khiển thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra xác định xe mô tô này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trương D. Anh Út không biết V lấy xe đi trộm cắp tài sản, do đó không có căn cứ xử lý Út với vai trò đồng phạm với Trần Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Cao Thị M các tài sản bị chiếm đoạt, gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng, tiền Việt Nam là 200.000đồng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát số 66K6-5885, nhãn hiệu ROMATIC màu xanh, Trần Thị V điều khiển thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, xác định xe mô tô này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trương D, là tài sản riêng có trước thời kỳ hôn nhân, việc bị cáo lấy xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản anh Út không biết, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố

tụng hình sự tuyên trả lại cho anh Út là phù hợp pháp luật.

Đối với đồ vật gồm: 01 (một) áo khoác dài tay, màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) khẩu trang vải, màu đỏ tím, đã qua sử dụng. Xét thấy, các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và thuộc tài sản của bị cáo Trần Thị V, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo V là phù hợp pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại Cao Thị M đã nhận lại tại sản bị trộm, gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen, đã qua sử dụng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp lưng điện thoại, màu đen, đã qua sử dụng, tiền Việt Nam là 200.000đồng. Riêng đối với 01 (một) ốp lưng điện thoại màu trắng, đã qua sử dụng, do Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được tài sản và bị hại cũng không cung cấp được hình ảnh hoặc giấy tờ có liên quan đến tài sản nên Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá. Đồng thời bị hại cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị V (tên gọi khác: N) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị V: 01 (một) áo khoác dài tay, màu xám, đã qua sử dụng; 01 (một) áo thun ngắn tay, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) quần thun dài, màu tím, đã qua sử dụng; 01 (một) khẩu trang vải, màu đỏ tím, đã qua sử dụng;

Trả lại cho anh Trương D 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu ROMATIC, màu xanh, biển kiểm soát 66K6-5885, số khung 0012P-207215, số máy FMH-202515, đã qua sử dụng.

(Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án Dân sự thành phố C đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2023).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2023). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. C;
- Nhà tạm giữ Công an TP. C;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. C;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thông